



**Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu
Dệt May**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký

Doanh nghiệp số

0103020072

ngày 17 tháng 10 năm 2007

0102405830

ngày 26 tháng 10 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102405830 ngày 26 tháng 10 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Việt Hào
Ông Bùi Trung Dũng
Bà Hoàng Thúy Anh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Việt Hào
Ông Bùi Trung Dũng
Bà Hoàng Thúy Anh
Ông Bùi Trung Dũng

Tổng Giám đốc (đến 01/09/2020)
Quyền Tổng Giám đốc (từ 01/09/2020)
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký

Số 20, Đường Lĩnh Nam
Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Chi nhánh tại Hải Phòng

Số 315 Đường Đà Nẵng
Quận Ngô Quyền
Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May Báo cáo của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Lãnh đạo Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn; báo cáo tài chính đã thuyết minh đầy đủ về những yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Lãnh đạo Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chi phí lãi vay

Trong năm 2019, Công ty ghi giảm khoản lãi vay phải trả phát sinh từ các khoản vay ngân hàng với số tiền 6.027 triệu VND mặc dù không có bất kỳ sự thay đổi hay điều chỉnh gì về các điều khoản trong các hợp đồng vay tương ứng. Trong năm 2020, Công ty đã ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay phát sinh vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, chi phí phải trả ngắn hạn và lỗ lũy kế đang bị ghi nhận thiếu cùng một khoản 6.027 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm kết thúc cùng ngày: chi phí phải trả ngắn hạn và lỗ lũy kế đang bị ghi nhận thiếu cùng một khoản 6.027 triệu VND, chi phí tài chính và lỗ sau thuế TNDN đang bị ghi nhận thiếu cùng một khoản 6.027 triệu VND, và lỗ trên cổ phiếu được báo cáo thấp hơn 1.408 VND so với thực tế).

Các khoản phải trả người bán không được gửi thư xác nhận

Ban Lãnh đạo Công ty cho rằng thủ tục gửi thư xác nhận cho các khoản phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá trị ghi sổ là 1,4 tỷ VND là không cần thiết. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện thủ tục kiểm toán khả thi nào khác để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính đầy đủ, tính hiện hữu và tính chính xác của các số dư này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các số liệu được trình bày trên bảng cân đối kế toán về phải trả người bán và các khoản mục có liên quan trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt may tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2(c) trong báo cáo tài chính, trong đó có trình bày việc báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 263.908 triệu VND (1/1/2020: 264.104 triệu VND) và tổng nợ phải trả đã vượt quá tổng tài sản là 262.727 triệu VND (1/1/2020: 262.746 triệu VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần được tái tài trợ trong 12 tháng tới, và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một số khoản vay đã quá hạn là 186.091 triệu VND (1/1/2020: VND 189.123 triệu VND) (Thuyết minh 15). Những điều kiện này, cùng với các vấn đề khác được trình bày tại Thuyết minh 2(c), cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây nghi ngờ đáng kể về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00283-21-3



Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3064-2019-007-1



Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		8.537.212.915	2.856.709.600
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.039.198.285	2.075.263.743
Tiền	111		3.039.198.285	2.075.263.743
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.262.944.471	646.397.305
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	244.289.342.981	248.085.308.388
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		501.643.155	501.643.155
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	459.892.893	433.104.845
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(239.987.934.558)	(248.373.659.083)
Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		53.766.439	53.766.439
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(53.766.439)	(53.766.439)
Tài sản ngắn hạn khác	150		235.070.159	135.048.552
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.738.409	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	223.331.750	135.048.552
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250)	200		4.204.281.337	4.381.532.539
Tài sản cố định	220		2.004.081.337	2.181.332.539
Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.004.081.337	2.181.332.539
Nguyên giá	222		6.569.622.072	6.775.814.227
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.565.540.735)	(4.594.481.688)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9	2.200.200.000	2.200.200.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		412.560.000	412.560.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.200.200.000	2.200.200.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(412.560.000)	(412.560.000)
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		12.741.494.252	7.238.242.139

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		275.468.332.882	269.984.021.819
Nợ ngắn hạn	310		272.445.081.832	266.960.770.769
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	6.578.276.464	6.728.276.464
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	19.777.784.623	19.756.843.710
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	23.783.105	27.021.160
Phải trả người lao động	314		156.330.000	233.781.250
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	52.474.629.230	43.293.792.513
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		110.657.266	116.526.365
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	3.630.120.636	3.679.583.485
Vay ngắn hạn	320	15(a)	189.691.205.607	193.122.650.921
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.294.901	2.294.901
Nợ dài hạn	330		3.023.251.050	3.023.251.050
Vay dài hạn	338	15(b)	3.023.251.050	3.023.251.050
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		(262.726.838.630)	(262.745.779.680)
Vốn chủ sở hữu	410	16	(262.726.838.630)	(262.745.779.680)
Vốn cổ phần	411	17	42.797.630.000	42.797.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.797.630.000	42.797.630.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		779.763.000	779.763.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	18	1.149.867.833	1.149.867.833
Lỗi lũy kế	421		(307.454.099.463)	(307.473.040.513)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(307.473.040.513)	(307.473.040.513)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		18.941.050	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		12.741.494.252	7.238.242.139

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Huệ
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Việt Hào
Chủ tịch HĐQT

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	26.623.219.850	30.115.283.415
Giá vốn hàng bán	11	21	23.676.665.394	26.788.883.599
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		2.946.554.456	3.326.399.816
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	822.083.788	1.226.033.488
Chi phí tài chính	22	23	9.233.091.333	4.592.431.724
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.230.014.781</i>	<i>4.589.315.211</i>
Chi phí bán hàng	25	24	517.058.684	542.778.259
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	(4.990.424.412)	(581.285.770)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(991.087.361)	(1.490.909)
Thu nhập khác	31	26	1.032.019.181	3.090.909
Chi phí khác	32		21.990.770	1.600.000
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.010.028.411	1.490.909
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.941.050	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		18.941.050	-
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	4	-

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Huệ
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Việt Hào
Chủ tịch HĐQT

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		31.877.191.106	35.948.979.341
Tiền chi trả cho nhà cung cấp	02		(24.416.117.204)	(27.902.424.314)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.788.403.120)	(1.776.724.869)
Tiền chi trả lãi vay	04		-	(709.336.166)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.241.554.429	1.134.298.072
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.168.292.890)	(3.737.036.718)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.745.932.321	2.957.755.346
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(91.500.000)	(209.732.000)
Tiền thu hồi từ tài khoản tiền gửi có kỳ hạn	24		-	13.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		808.199.978	1.574.224.275
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		716.699.978	14.864.492.275
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		-	21.575.491.745
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.431.445.314)	(37.443.167.900)
Tiền chi trả cổ tức	36		(70.000.000)	(50.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.501.445.314)	(15.917.676.155)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

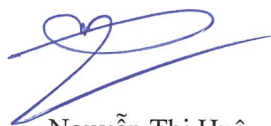
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		961.186.985	1.904.571.466
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.075.263.743	167.640.139
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.747.557	3.052.138
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	3.039.198.285	2.075.263.743

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Huệ
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Việt Hào
Chủ tịch HĐQT



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu phục vụ ngành may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không xác định được một cách rõ ràng và do đó được mặc định là 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 19 nhân viên (1/1/2020: 21 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 263.908 triệu VND (1/1/2020: 264.104 triệu VND) và tổng nợ phải trả đã vượt quá tổng tài sản là 262.727 triệu VND (1/1/2020: 262.746 triệu VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp, và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một số khoản vay đã quá hạn là 186.091 triệu VND (1/1/2020: VND 189.123 triệu VND) (Thuyết minh 15). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc công ty mẹ, Tập đoàn Dệt may Việt Nam, tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Lãnh đạo tin rằng công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây nghi ngờ đáng kể về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 7 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm

(g) Chi phí trả trước

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.



Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Lãnh đạo cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu phục vụ ngành may tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	122.221.155	15.825.851
Tiền gửi ngân hàng	2.916.977.130	2.059.437.892
	<hr/>	<hr/>
	3.039.198.285	2.075.263.743
	<hr/>	<hr/>

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Anh	33.853.572.750	33.913.572.750
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	40.303.792.764	40.313.792.764
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	29.921.566.760	29.921.566.760
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Sản xuất Nhật Sơn	25.456.949.928	25.456.949.928
Các khách hàng khác	114.753.460.779	118.479.426.186
	<hr/>	<hr/>
	244.289.342.981	248.085.308.388
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú	356.531.111	356.531.111
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan được áp dụng các điều khoản thanh toán tương tự như các khoản phải thu thương mại từ các bên khác.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tạm ứng cho nhân viên	331.114.000	253.268.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	128.778.893	179.836.845
	<hr/>	<hr/>
	459.892.893	433.104.845
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2020			1/1/2020				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Anh	Trên 3 năm	33.853.572.750	(33.853.572.750)	-	Trên 3 năm	33.913.572.750	(33.913.572.750)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.303.792.764	(40.303.792.764)	-	Trên 3 năm	40.313.792.764	(40.313.792.764)	-
Công ty Cổ phần ĐTTM và XNK Hà Đông	Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-	Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-
Công ty TNHH DVTM và Sản xuất Nhật Sơn	Trên 3 năm	25.456.949.928	(25.456.949.928)	-	Trên 3 năm	25.456.949.928	(25.456.949.928)	-
Công ty TNHH Tân Việt Công ty Cổ phần Đầu tư	Trên 3 năm	19.559.547.880	(19.559.547.880)	-	Trên 3 năm	19.559.547.880	(19.559.547.880)	-
Phát triển Thành Thuận (*) Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Tinh Mã	Trên 3 năm	10.215.995.582	(5.677.995.582)	4.538.000.000	Trên 3 năm	13.710.995.582	(13.710.995.582)	-
Công ty Cổ phần Minh Sơn Các khách hàng khác	Trên 3 năm	15.668.572.715	(15.668.572.715)	-	Trên 3 năm	15.668.572.715	(15.668.572.715)	-
	Trên 3 năm	12.604.104.470	(12.604.104.470)	-	Trên 3 năm	12.604.104.470	(12.604.104.470)	-
	Trên 3 năm	56.941.831.709	(56.941.831.709)	-	Trên 3 năm	57.224.556.234	(57.224.556.234)	-
		<u>244.525.934.558</u>	<u>(239.987.934.558)</u>	<u>4.538.000.000</u>		<u>248.373.659.083</u>	<u>(248.373.659.083)</u>	-

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi
- ngắn hạn

(239.987.934.558)

(248.373.659.083)

(*) Mặc dù số dư phải thu với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Thuận (“Thành Thuận”) đã quá hạn trên 3 năm nhưng hàng năm, Công ty và Thành Thuận vẫn có xác nhận công nợ và việc thanh toán nợ phải thu vẫn được thực hiện đều đặn. Tổng số nợ quá hạn được thu hồi trong năm 2020 là 3.495.000.000 VND (2019: 2.050.000.000 VND). Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày của báo cáo tài chính này, Thành Thuận tiếp tục thanh toán một phần khoản phải thu theo cam kết. Do đó, Ban Lãnh đạo Công ty đã hoàn nhập một phần chi phí dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này dựa trên ước tính về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	5.527.568.093	60.000.000	437.591.589	750.654.545	6.775.814.227
Tăng trong năm	-	91.500.000	-	-	91.500.000
Xóa sổ	(297.692.155)	-	-	-	(297.692.155)
Số dư cuối năm	5.229.875.938	151.500.000	437.591.589	750.654.545	6.569.622.072
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.686.825.471	60.000.000	437.061.048	410.595.169	4.594.481.688
Khấu hao trong năm	154.629.138	17.611.290	-	81.520.004	253.760.432
Xóa sổ	(282.701.385)	-	-	-	(282.701.385)
Số dư cuối năm	3.558.753.224	77.611.290	437.061.048	492.115.173	4.565.540.735
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.840.742.622	-	530.541	340.059.376	2.181.332.539
Số dư cuối năm	1.671.122.714	73.888.710	530.541	258.539.372	2.004.081.337

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 1.038 triệu VND (1/1/2020: 1.132 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	31/12/2020 và 1/1/2020		Giá gốc VND	Dự phòng VND
				% quyền biểu quyết			
Công ty liên kết							
Công ty Cổ phần Coffee Indochine	Hà Nội	41.256	20,00%	20,00%		412.560.000	(412.560.000)
Đơn vị khác							
Công ty Cổ phần Đắp Cầu - Yên Phong	Bắc Ninh	200.000	9,26%	9,26%		2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần X20 - Bộ Quốc phòng	Hà Nội	20.020	0,12%	0,12%		200.200.000	-
						2.200.200.000	-
						2.612.760.000	(412.560.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc (*)	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	5.168.992.085	5.318.992.085
Công ty Cổ phần VINACOM Việt Nam	487.092.347	487.092.347
Công ty TNHH Dệt May Hà Nội	377.998.500	377.998.500
Các nhà cung cấp khác	544.193.532	544.193.532
		6.578.276.464
		6.728.276.464

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc (*)	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty con của công ty mẹ		
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	5.168.992.085	5.318.992.085

(*) Do những vấn đề được nêu trong Thuyết minh 2(c), tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ban Lãnh đạo Công ty chưa xác định được số có khả năng trả nợ.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo khách hàng lớn:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.962.747.660	9.962.747.660
Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Nhà máy sợi Nam Định	9.500.000.000	9.500.000.000
Các khách hàng khác	315.036.963	294.096.050
	19.777.784.623	19.756.843.710

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dầu Mây
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	1/1/2020		Số phải nộp trong năm VND		Số đã nộp/bù trừ trong năm VND		31/12/2020	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	11.913.383	1.437.098.286	(1.438.131.288)	-	10.880.381	-	10.880.381
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.107.777	17.554.840	(19.759.893)	-	12.902.724	-	12.902.724
Thuế thu nhập doanh nghiệp	135.048.552	-	-	-	135.048.552	-	-	-
Tiền thuế đất	-	-	2.110.943.135	(2.199.226.333)	88.283.198	-	-	-
Thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-	-	-
	135.048.552	27.021.160	3.569.596.261	(3.661.117.514)	223.331.750	23.783.105	223.331.750	23.783.105

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí phải trả ngắn hạn****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	51.921.224.928	42.691.210.147
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	553.404.302	602.582.366
	<hr/>	<hr/>
	52.474.629.230	43.293.792.513
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	501.420.518	501.420.518
	<hr/>	<hr/>

14. Phải trả ngắn hạn khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Cổ tức, phân phối lợi nhuận phải trả	3.374.674.220	3.444.674.220
Kinh phí công đoàn	6.894.806	6.894.806
Các khoản phải trả, phải nộp khác	248.551.610	228.014.459
	<hr/>	<hr/>
	3.630.120.636	3.679.583.485
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả khác cho các bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	3.240.000.000	3.310.000.000
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả khác đối với công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay	(a) Vay ngắn hạn	Giá gốc (*)		Biến động trong năm		Giá gốc (*)	
		1/1/2020 VND	31/12/2020 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
	Vay ngắn hạn	4.000.000.000		-	(400.000.000)	3.600.000.000	
	Vay dài hạn đến hạn trả	189.122.650.921		-	(3.031.445.314)	186.091.205.607	
		193.122.650.921		-	(3.431.445.314)	189.691.205.607	

(*) Do những vấn đề được nêu trong Thuyết minh 2(c), tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ban Lãnh đạo Công ty chưa xác định được số có khả năng trả nợ.

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần May Hưng Yên	VND	0%	3.600.000.000	4.000.000.000

Các khoản vay ngắn hạn được bảo lãnh bởi công ty mẹ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	VND	0%	(*)	3.023.251.050	3.023.251.050
Tập đoàn Dệt may Việt Nam (**)	VND	0%	2019	75.987.039.404	75.987.039.404
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	VND	8,7% - 8,8%	2019	55.046.153.788	57.046.153.788
Ngân hàng TMCP Quân đội (**)	VND	0%	2018	8.550.000.000	9.111.445.314
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (**)	VND	9%	2019	27.309.267.207	27.309.267.207
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (**)	VND	9% - 10%	2019	19.198.745.208	19.668.745.208
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				189.114.456.657	192.145.901.971
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				(186.091.205.607)	(189.122.650.921)
				3.023.251.050	3.023.251.050

(*) Khoản vay từ công ty mẹ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam, phải được hoàn trả ngay sau khi Công ty nhận được tiền từ hợp tác khai thác quỹ đất tại địa chỉ Số 20 Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, chưa có cơ sở xác định được thời điểm Công ty sẽ nhận được tiền hợp tác khai thác quỹ đất nói trên, do vậy khoản vay này được phân loại là vay dài hạn có hạn trả sau 12 tháng.

(**) Các khoản vay này đã quá hạn. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty và Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa có các thỏa thuận gia hạn khoản vay và gia hạn bảo lãnh khoản vay với các ngân hàng.

Các khoản vay dài hạn được bảo lãnh bởi công ty mẹ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	42.797.630.000	779.763.000	1.149.867.833	(307.473.040.513)	(262.745.779.680)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2020	42.797.630.000	779.763.000	1.149.867.833	(307.473.040.513)	(262.745.779.680)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	18.941.050	18.941.050
Số dư tại ngày 31/12/2020	42.797.630.000	779.763.000	1.149.867.833	(307.454.099.463)	(262.726.838.630)

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	4.279.763	42.797.630.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	4.279.763	42.797.630.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	4.279.763	42.797.630.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, đơn vị nắm 68,34% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

18. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.714	39.736.772	1.746	40.550.850
EUR	18	524.304	30	789.028
		40.261.076		41.339.878

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	22.330.499.750	25.490.802.552
▪ Cung cấp dịch vụ	4.292.720.100	4.624.480.863
	<hr/> 26.623.219.850	<hr/> 30.115.283.415

21. Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hoá đã bán	22.288.439.000	25.410.677.891
▪ Dịch vụ đã cung ứng	1.388.226.394	1.378.205.708
	<hr/> 23.676.665.394	<hr/> 26.788.883.599

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi	6.199.978	402.977.700
Cổ tức được chia	802.000.000	820.000.000
Lãi bán hàng trả chậm	11.111.839	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.771.971	3.052.138
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.650
	<hr/> 822.083.788	<hr/> 1.226.033.488

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	9.230.014.781	4.589.315.211
Chi phí tài chính khác	-	3.116.513
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.076.552	-
	<hr/>	<hr/>
	9.233.091.333	4.592.431.724
	<hr/>	<hr/>

24. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	492.606.187	509.397.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.393.996	11.393.990
Chi phí bảo lãnh, phí, lệ phí	7.119.027	4.401.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bán hàng khác	5.939.474	17.585.492
	<hr/>	<hr/>
	517.058.684	542.778.259
	<hr/>	<hr/>

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.540.280.135	1.590.878.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.750.369	96.437.583
Hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.385.724.525)	(4.309.655.678)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.745.269.609	2.041.054.271
	<hr/>	<hr/>
	(4.990.424.412)	(581.285.770)
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Thu nhập khác**

	2020 VND	2019 VND
Tiền đền bù thu hồi đất (*)	979.271.000	-
Khác	52.748.181	3.090.909
	<hr/> 1.032.019.181	<hr/> 3.090.909

(*) Đây là khoản đền bù do Ủy ban Nhân dân Quận Hoàng Mai thu hồi 1.064,2 m² đất của Công ty theo Quyết định số 8239/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 để thực hiện dự án xây dựng đường Tam Trinh thuộc phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

27. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	22.288.439.000	25.410.677.891
Chi phí nhân viên	2.032.886.322	2.100.275.679
Chi phí khấu hao	253.760.432	225.872.585
Hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.385.724.525)	(4.309.655.678)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	3.013.938.437	3.323.205.611

28. Thuế thu nhập**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.941.050	-
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.788.210	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.277.385.256	725.575.530
Thu nhập miễn thuế	(160.400.000)	(164.000.000)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(1.120.773.466)	(561.575.530)
	<hr/> -	<hr/> -



Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	101.640.592.969	20.328.118.594	154.971.654.466	30.994.330.893

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2021	Chưa quyết toán	52.690.043.302
2022	Chưa quyết toán	40.999.928.684
2023	Chưa quyết toán	6.998.321.285
		100.688.293.271

Trong năm, khoản lỗi được khấu trừ với giá trị là 47.727 triệu VND đã hết hạn.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lãi thuộc về cổ đông phổ thông là 18.941.050 VND (2019: 0 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm là 4.279.763 cổ phiếu (2019: 4.279.763 cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Thành viên Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	301.774.230	294.562.196
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao	83.730.257	75.670.494

31. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Nguyễn Thị Huệ
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Phan Việt Hào
Chủ tịch HĐQT